

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**  
(Số: *A.8*... /2010/ HĐCGCN)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;  
- Căn cứ vào Luật Chuyển giao công nghệ 80/2006/QH11 ngày 29/11/2006;  
- Căn cứ Quyết định số 1860/QĐ-BKH-CN ngày 06/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh mục dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010” bắt đầu thực hiện năm 2008.

- Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-BKH-CN ngày 14/01/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và thời gian thực hiện dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010” bắt đầu thực hiện từ năm 2008, trong đó có Dự án: “*Xây dựng mô hình sản xuất chitin và chitozan công nghiệp từ phế liệu vỏ tôm tại Bạc Liêu*”

Hôm nay, ngày *A.6*... tháng...*A.O.* năm 2010, chúng tôi gồm:

**Bên chuyển giao (bên A): Trường Đại học Nha Trang**

- Trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa
- Điện thoại: 058.3831149
- Tài khoản số: 0061000921373 Ngân hàng ngoại thương - Chi nhánh Nha Trang
- Đại diện là: **Ông Vũ Văn Xứng**; Chức vụ: **Hiệu trưởng**

**Bên nhận chuyển giao (bên B): Công ty TNHH Phúc Đức**

- Trụ sở chính: Quốc lộ 1A, ấp 14, xã Vĩnh Mỹ B, Huyện Hòa Bình, Tỉnh Bạc Liêu.
- Điện thoại: 0781.3823164
- Tài khoản số: 0.032.1.00.0893233 tại CN ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Sóc Trăng, phòng giao dịch Bạc Liêu
- Đại diện là: **Ông Ngô Thanh Việt**; Chức vụ: **Giám đốc Công ty**

**Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản sau:**

**Điều 1: Đối tượng chuyển giao**

- Tên công nghệ (*sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, bí quyết công nghệ*):  
**Công nghệ sản xuất chitin- chitozan từ phụ phẩm vỏ tôm.**
- Đặc điểm công nghệ: Từ vỏ tôm qua xử lý hóa học cho ra sản phẩm chitin chất lượng cao và chitozan.
- Kết quả áp dụng công nghệ: Sản phẩm chitin chất lượng cao và chitozan.
- Số lượng Chitin = 20.000 kg; Chitosan = 1.000 kg (Theo thuyết minh đề cương dự án).

**Điều 2: Chất lượng, nội dung công nghệ**

- + Công nghệ sản xuất chitin đạt tiêu chuẩn chất lượng:



- Màu sắc: Vàng nhạt đến trắng ngà
  - Hàm lượng protein : <1,5%
  - Hàm lượng khoáng trung bình: <1,5 %
  - Dạng sản phẩm: Dạng vảy
- + Công nghệ sản xuất chitozan đạt tiêu chuẩn chất lượng sau:

| STT | DANH MỤC CHỈ TIÊU                        | TỶ LỆ         | GHI CHÚ |
|-----|--|---------------|---------|
| 1   | Độ ẩm                                    | 10 -12 %      |         |
| 2   | Hàm lượng khoáng trung bình              | <1,5%         |         |
| 3   | Hàm lượng protein trung bình             | <1,5%         |         |
| 4   | Độ nhớt                                  | 220 – 500 cps |         |
| 5   | Hàm lượng chất không tan                 | 0,2%          |         |
| 6   | Độ Deacetyl                              | 80 – 87%      |         |
| 7   | Độ tan (trong CH <sub>3</sub> COOH 1,5%) | 99 %          |         |
| 8   | Màu sắc                                  | Trắng ngà     |         |
| 9   | Hình dạng                                | Vảy nhỏ       |         |

**Mô tả nội dung và tính năng của công nghệ:**

- Nguyên liệu : Vò và đầu tôm
- Ép tách Protein sơ bộ bằng cơ học & thủy lực
- Xử lý axit ( khử khoáng) HCl nồng độ thấp
- Rửa trung tính : Có tác dụng làm sạch axit.
- Xử lý kiềm ( khử protein): Dung dịch NaOH nồng độ thấp
- Rửa trung tính: Có tác dụng làm sạch kiềm.
- Deacetyl bằng NaOH đặc để sản xuất chitozan có sử dụng nhiệt độ
- Phơi khô hay sấy: Yêu cầu độ khô cuối cùng phải đạt 10- 12%.
- Ép nén: Mục đích của ép nén để giảm thể tích, tiết kiệm bao bì, giảm chi phí vận chuyển.
- Bao gói: Bao gói trong túi PE để tránh hút ẩm trở lại.
- Bảo quản: Thời gian bảo quản không quá 12 tháng.

+ Bảo vệ môi trường: Giảm thiểu mùi hôi (thối) trong quá trình sản xuất, đồng thời nước thải sau khi xử lý đạt qui chuẩn QCVN 11: 2008 - Bộ Tài nguyên và Môi trường (loại B).

**Điều 3: Phạm vi và thời hạn chuyển giao**

- Phạm vi: Bên B được độc quyền công nghệ trong phạm vi tỉnh Bạc Liêu.
- Thời hạn chuyển giao: Hai bên thoả thuận thời hạn chuyển giao 06 tháng.

**Điều 4: Địa điểm và tiến độ chuyển giao**

1. Địa điểm: Quốc lộ 1A, ấp 14, xã Vĩnh Mỹ B, Huyện Hòa Bình, Tỉnh Bạc Liêu
2. Tiến độ: Từ quý 3 năm 2010 đến hết quý 4 năm 2010

**Điều 5: Thời hạn bảo hành công nghệ: 06 tháng**

**Điều 6: Giá chuyển giao công nghệ và phương thức thanh toán**

- Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao: 295.000.000 đ

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản theo ba lần,

Lần thứ nhất 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hai bên ký kết.

Lần thứ hai 30% giá trị hợp đồng khi công nhân sau huấn luyện đã tự sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng ghi ở điều 2.

Lần thứ ba 20% còn lại ngay sau khi hai bên thanh lý hợp đồng.

**Điều 7: Phạm vi, mức độ giữ bí mật của các bên: Phạm vi Công ty**

**Điều 8: Nghiệm thu kết quả chuyển giao công nghệ**

- Công nhân sau huấn luyện sẽ sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng nêu ở điều 2.

- Qui trình công nghệ chuyển giao đạt tiêu chuẩn về công nghệ cũng như về môi trường.

- Hoàn thành báo cáo kết quả chuyển giao công nghệ nộp cho bên B theo qui định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Hợp đồng sẽ được thanh lý sau khi hai bên thực hiện đủ các nội dung chuyển giao đã thoả thuận.

**Điều 9: Cải tiến công nghệ chuyển giao của bên nhận chuyển giao**

Mọi cải tiến của bên B đối với công nghệ sau chuyển giao thuộc quyền sở hữu của bên nhận B và bên A không chịu trách nhiệm pháp lý về sự cải tiến này. Tuy nhiên bên A sẵn sàng tư vấn kỹ thuật cho bên B về các cải tiến nếu được bên B yêu cầu.

**Điều 10: Cam kết của bên A về đào tạo nhân lực cho thực hiện công nghệ chuyển giao**

- Số lượng: 10 người

- Thời gian: 03 tháng

**Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của các bên**

#### **1. Bên A**

- Cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của công nghệ chuyển giao và việc chuyển giao công nghệ sẽ không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của bất kỳ bên thứ 3 nào khác. Bên A có trách nhiệm, với chi phí của mình, giải quyết mọi tranh chấp phát sinh từ việc chuyển giao công nghệ theo hợp đồng này.

- Có nghĩa vụ hợp tác chặt chẽ và giúp đỡ bên B chống lại mọi sự xâm phạm quyền sở hữu từ bất kỳ bên thứ 3 nào khác.

- Đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với sở KH& CN Bạc Liêu.

- Có quyền được chuyển giao công nghệ trên cho các bên khác ngoài phạm vi lãnh thổ Tỉnh Bạc Liêu.

#### **2. Bên B**

- Đảm bảo mọi điều kiện kỹ thuật cần thiết (trang thiết bị, nguyên vật liệu chuyên dụng ...) đáp ứng yêu cầu của công nghệ chuyển giao để bên A thực hiện chuyển giao công nghệ được thuận lợi.

- Cam kết triển khai sản xuất theo đúng công nghệ nhận chuyển giao để chất lượng sản phẩm sản xuất không thấp hơn chất lượng sản phẩm do bên chuyển giao đã sản xuất.

Phương pháp đánh giá chất lượng do hai bên thoả thuận.

- Thanh toán tiền chuyển giao theo hợp đồng.

- Ghi chú xuất xứ công nghệ chuyển giao trên sản phẩm.

- Được phép chuyển giao lại cho bên thứ 3 (chỉ trong phạm vi tỉnh bạc Liêu) công nghệ trên sau khi được bên giao (Bên A) đồng ý.

**Điều 12: Sửa đổi, đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng**

Hợp đồng có thể được sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu bằng văn bản của một trong các bên và được đại diện hợp pháp của các bên ký kết bằng văn bản. Các điều khoản sửa đổi,

1/2  
G  
C  
ANG



Số: 18 /2011/NT&TLHD-ĐTKH

**BIÊN BẢN  
NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

Căn cứ theo hợp đồng số 18 /2010/HĐ - CGCN đã ký kết ngày 16 tháng 10 năm 2010.  
Hôm nay, ngày 30 tháng 3 năm 2011. Chúng tôi gồm:

Bên A: Ông **Ngô Thanh Việt** chủ nhiệm Dự án

Địa chỉ: Công ty TNHH Đức Phúc, quốc lộ 1A, ấp 14, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Bên B: Ông **Vũ Văn Xứng** chủ trì chuyển giao công nghệ (CGCN) Dự án

Địa chỉ: Trường Đại học Nha Trang, số 02 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa

Hai bên đã họp xem xét các kết quả thực hiện hợp đồng số 18/2010/HĐCGCN và nhất trí đánh giá như sau:

**Điều 1:** Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung và điều khoản ghi trong hợp đồng số 18/2010/HĐCGCN ký kết ngày 16 tháng 10 năm 2010.

Bên B đã giao nộp các sản phẩm cho bên A theo điều 8 của Hợp đồng gồm:

1. Huấn luyện công nhân sản xuất sản phẩm đạt chất lượng nêu ở điều 2 của Hợp đồng.
2. Quy trình công nghệ chuyển giao đạt tiêu chuẩn về công nghệ cũng như về môi trường.
3. Hoàn thành báo cáo kết quả chuyển giao công nghệ nộp cho bên B theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ

Sản phẩm của hợp đồng đã được bên A đánh giá nghiệm thu.

**Điều 2:** Bên A đồng ý nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 18/2010/HĐCGCN đã ký kết ngày 16 tháng 10 năm 2010.

Bên A đã tạm ứng đợt một cho bên B số tiền **147.500.000** đồng. Số tiền còn lại phải thanh toán đợt hai là **147.500.000** đồng. Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B sau khi thanh lý Hợp đồng là **295.000.000** đồng (*Hai trăm chín lăm triệu đồng chẵn*)

**Điều 3:** Biên bản này được lập thành 05 bản, mỗi bản có giá trị như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản, 01 bản gửi về Phòng KH-CN-HTQT Đại Học Nha Trang để báo cáo.

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2011  
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ CGCN

BÊN A

BÊN B

Chủ nhiệm Dự án

Chủ trì CGCN Dự án



Ngô Thanh Việt

Vũ Văn Xứng

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hương Hoa Hồng

## HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Số: 01/HĐCG- KHCN

**Chuyển giao công nghệ sinh sản nhân tạo giống và nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758)**

Căn cứ vào nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Khoa học và Công nghệ.

Căn cứ vào Quyết định số: 216/UBND-VP5 ngày 13 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Nam Định và Quyết định số: 1876/QĐ-BKHHCN ngày 15/9/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&CN, về việc phê duyệt dự án: “*Ứng dụng tiến bộ Khoa học, xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) tại xã Hải Triều huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định*”.

Căn cứ vào hợp đồng khoa học và công nghệ số: 15/2011/HĐ-DANTMN ngày ..... tháng ..... năm 2011, về việc thực hiện dự án thuộc Chương trình “*Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2010-2015*”.

Hôm nay, ngày 15 tháng 04 năm 2011, tại Công ty Cổ phần Thủy sản Thiên Phú chúng tôi gồm:

### 1. Bên giao (Bên A) là: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN THIÊN PHÚ

Đại diện bởi ông: **Hoàng Đức Thiện** Chức vụ: Giám đốc

Bà: **Lại Văn Khoa** Chức vụ: Chủ nhiệm dự án

Địa chỉ: xóm Tây Bình – xã Hải Triều- huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định

Điện thoại: 03503.792478.

Số tài khoản: 3751 Kho bạc Nhà Nước huyện Hải hậu

Mã giao dịch: 9051381

### 2. Bên nhận (Bên B) là: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Đại diện là Ông: **Hoàng Hoa Hồng** Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Ông: **Phạm Xuân Thủy** Chức vụ: Cán bộ thực hiện dự án

Địa chỉ: 2 - Nguyễn Đình Chiểu - TP. Nha Trang

Điện thoại: 058 3831149 Fax: 0583831147

Số tài khoản: 3711 cấp NS cấp 1 Mở tại: Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

Mã số sử dụng ngân sách/mã số thuế: 1055504

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng “**Chuyển giao công nghệ sinh sản nhân tạo giống và nuôi thâm nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758)**” theo thuyết minh dự án: “*Ứng dụng tiến bộ Khoa học, xây dựng mô hình sinh sản nhân tạo giống và nuôi thâm nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định*” với các điều khoản sau:

## **I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều 1:** Bên B cam kết thực hiện dự án: “*Ứng dụng tiến bộ Khoa học, xây dựng mô hình sinh sản nhân tạo giống và nuôi thâm nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định*” theo các nội dung, tiến độ và sản phẩm nêu trong Thuyết minh dự án đã được phê duyệt.

**Điều 2:** Thời gian thực hiện dự án là 24 tháng, từ tháng 04/2011 đến tháng 4/2013.

**Điều 3:** Bên A sẽ đánh giá và nghiệm thu kết quả thực hiện dự án theo các yêu cầu, chỉ tiêu nêu trong Thuyết minh dự án và Phụ lục kèm theo trong Hợp đồng.

## **II. NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG**

**Điều 4:** Nội dung hợp đồng và giá trị hợp đồng

### **1. Nội dung hợp đồng:**

- Bên A thuê bên B thực hiện nội dung chuyển giao công nghệ sản xuất giống và công nghệ ương nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758)
- Bên B kết hợp với bên A thực hiện nội dung đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá đối mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) cho cán bộ kỹ thuật của cơ sở và các hộ nuôi trồng thủy sản trong vùng dự án.

**2. Giá trị hợp đồng:** Tổng giá trị của hợp đồng là: **300.000.000 đồng**

(*Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn*).

Trong đó:

- Kinh phí chuyển giao công nghệ sản xuất giống và công nghệ nuôi thương phẩm cá đối mực là: 220.000.000 đồng.
- Kinh phí đào tạo tập huấn: 80.000.000 đồng.

## **III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

**Điều 5:** Trách nhiệm bên A

1. Bên A có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, cán bộ, lao động tiếp nhận công nghệ, tiến hành giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện hợp đồng theo tiến độ và nội dung ghi trong Thuyết minh dự án.
2. Bên A có trách nhiệm cấp cho Bên B số kinh phí từ Ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ ghi ở Điều 4 của Hợp đồng này theo tiến độ sau:

| Số TT | Đợt   | Kinh phí      | Thời gian    |
|-------|-------|---------------|--------------|
| 1     | Đợt 1 | 220.000.000 đ | Tháng 8/2011 |
| 2     | Đợt 2 | 80.000.000 đ  | Tháng 8/2012 |

- Bên B có trách nhiệm thanh toán lại cho bên A số tiền chi phí đào tạo và tập huấn cho các bộ kỹ thuật và các hộ dân nuôi trồng thủy sản trong vùng dự án. (80.000.000 đ)
- Trước mỗi đợt cấp kinh phí tiếp theo, Bên A tiến hành xem xét và khẳng định kết quả đạt được theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh Dự án. Nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, thì Bên A có thể kiến nghị điều chỉnh tiến độ hoặc ngừng việc cấp kinh phí.

#### **Điều 6: Trách nhiệm bên B**

- Triển khai thực hiện dự án theo nội dung hợp đồng và lập hồ sơ theo dõi và báo cáo định kỳ cho Bên A về tình hình thực hợp đồng về nội dung, tiến độ, sản phẩm và kinh phí trong quá trình thực hiện dự án.
- Đảm bảo điều kiện cần thiết và tổ chức triển khai các nội dung của hợp đồng đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, tiến độ và các chỉ tiêu trong Thuyết minh Dự án
- Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh nội dung chuyên môn và tiến độ trong hợp đồng khi cần thiết. Đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên A vi phạm một trong các điều kiện mà vi phạm đó dẫn đến Dự án không tiếp tục thực hiện được; Không cấp đủ kinh phí ghi trong hợp đồng mà không có lý do chính đáng.
- Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng dự toán, đúng chế độ và báo cáo tình hình thực hiện dự án trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

#### **IV. TRÌNH TỰ GIAO NHẬN SẢN PHẨM**

**Điều 7:** Trước thời điểm kết thúc dự hợp đồng một tháng, Bên B có trách nhiệm nộp, chuyên cho Bên A những tài liệu và sản phẩm nêu trong Thuyết minh dự án để đánh giá và nghiệm thu, bao gồm:

- Hồ sơ chứng từ hợp lệ đã sử dụng bằng kinh phí của dự án;
- Hồ sơ báo cáo tổng kết của dự án: báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt và các tài liệu có liên quan.

**Điều 8:** Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Bên B, hai bên tiến hành nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

#### **V. ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG VÀ CAM KẾT**

**Điều 9:** Trong quá trình thực hiện dự án:

- Nếu do ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh như: thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, ... khiến chủ nhiệm, cơ quan chủ trì và tổ chức chuyển giao công nghệ của dự án



không thể tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng thì bên B có thể kiến nghị điều chỉnh, đình chỉ hợp đồng và thông báo bằng văn bản cho Bên A đề báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

- Nếu một trong hai bên vi phạm một trong các quy định nêu tại Điều 14 của Quy chế quản lý Chương trình NTMN thì bên kia có thể đơn phương đình chỉ hợp đồng và đề nghị Bộ Khoa học và công nghệ thu hồi số kinh phí từ ngân sách Nhà nước đã cấp để thực hiện hợp đồng.

- Nếu các bên tham gia Hợp đồng có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung Hợp đồng, phải kịp thời thông báo cho nhau và thỏa thuận bằng văn bản đề báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định. Các thay đổi hoặc bổ sung trên nếu được Bộ Khoa học và Công nghệ đồng ý là bộ phận của Hợp đồng làm căn cứ khi nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

**Điều 10:** Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản ghi trong Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm theo luật pháp hiện hành.


**Điều 11:** Mọi tranh chấp phát sinh cần được giải quyết trước hết qua thỏa thuận trực tiếp; nếu không thỏa thuận được, sẽ giải quyết tại Toà án Kinh tế cấp tương ứng theo luật pháp hiện hành.

**Điều 12:** Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng được làm thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 05 bản.

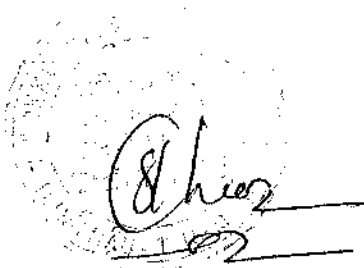
**BÊN A**

**CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Lai Văn Khoa

**CTY CỔ PHẦN THỦY SẢN THIÊN PHÚ**

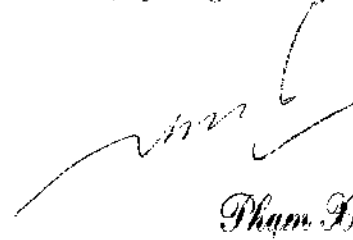


**GIAM ĐỐC  
HOÀNG ĐỨC THIỆN**

**BÊN B**


**CÁN BỘ THỰC HIỆN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Phạm Xuân Thủy

**TRƯỜNG ĐH NHA TRANG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

  
  
Hoàng Hoa Hồng

Quang Ninh, ngày 18 tháng 12 năm 2012

**HỢP ĐỒNG**  
**CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**  
Số: 126/2012/HĐ-CGKHCN

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14/6/2005;

Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước (UBTVQH) ngày 25/09/1989 và Nghị định số 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế;

Căn cứ quyết định số 1986/QĐ-BKHHCN ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung Ương cho các dự án uy quyền địa phương quản lý thuộc chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" giai đoạn 2011 - 2015";

Căn cứ quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Dự án "Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Đồi mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) tại tỉnh Quảng Ninh";

Căn cứ Thông tư liên tịch 93/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về chế độ khoản kinh phí của đề tài, dự án KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước;

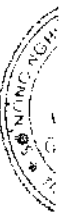
Căn cứ Hợp đồng số 26/HĐ-CT NTMN ngày 30/10/2012 giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh với Trung tâm khoa học kỹ thuật và sản xuất giống thủy sản Quảng Ninh về việc thực hiện dự án "Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Đồi mực (*Mugil cephalus* Linnaeus, 1758) tại tỉnh Quảng Ninh" thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" giai đoạn 2011 - 2015;

**CHÚNG TÔI GỒM**

**1- BÊN GIAO (BÊN A):**

a. Cơ quan chủ trì dự án: **TRUNG TÂM KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NINH**

- Đại diện: Ông Nguyễn Quang Huy Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Km 11, phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 0333.873.340 Fax: 0333.873.580
- Mã số thuế: 5700346468.
- Số tài khoản: 3712.2 - MQHNS: 1075768, tại Kho bạc Nhà Nước TX, Quảng Yên.



## b. Chủ nhiệm Dự án

Ông: Vũ Công Tâm.

Chức vụ: Chủ nhiệm dự án.

- Địa chỉ: 52 - Tổ 5 - Khu Vinh Xuân - TT. Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh.

- Điện thoại: 0904 399 055

Email: [tamthuythien@gmail.com](mailto:tamthuythien@gmail.com).

## 2- BÊN NHẬN (BÊN B):

Cơ quan chuyên giao công nghệ : **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

- Đại diện: Ông **Hoàng Hoa Hồng**

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng.

Ông **Phạm Xuân Thủy**

Chức vụ: Cán bộ chuyên giao công nghệ.

- Địa chỉ: 2 - Nguyễn Đình Chiểu - TP. Nha Trang

- Điện thoại: 058 3831149

Fax: 0583831147

- Số tài khoản: 3711 cấp NS cấp I Mở tại: Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

Mã số sử dụng ngân sách mã số thuế: 1055504.

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng chuyển giao khoa học công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

### Điều 1. Nội dung Hợp đồng

- Bên B cam kết chuyển giao 10 quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Đồi mục tại Quảng Ninh" (chi tiết tại Khoản 1- Thuê khoán chuyên môn và đào tạo - Thuyết minh Dự án đã được phê duyệt)

- Bên B đào tạo cho Bên A 05 cán bộ kỹ thuật theo 10 quy trình đã nêu trên (địa điểm đào tạo tổ chức tại cơ sở sản xuất giống).

- Bên A chủ trì tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân tại Tiên Yên và Quảng Yên thông báo cho Bên B về địa điểm, thời gian tổ chức lớp học bằng văn bản trước 15 ngày. Bên B chịu trách nhiệm giảng dạy cho 02 lớp tập huấn về quy trình kỹ thuật nuôi cá đồi mục thương phẩm và quản lý sức khỏe trong khi nuôi cho 50 lượt nông dân trong tỉnh.

- Bên B Chịu trách nhiệm về các kết quả sản phẩm dự án từ các mô hình đạt tiêu chuẩn như thuyết minh dự án đã phê duyệt (khi bên A tuân thủ các quy trình hướng dẫn của bên B).

- Bên B cử 01 cán bộ kỹ thuật có chuyên môn phù hợp ở tại bên A trong thời gian thực hiện dự án để theo dõi và hướng dẫn kỹ thuật thực hiện các mô hình đã ghi trong thuyết minh dự án.

### Điều 2. Tiến độ thực hiện và sản phẩm của Hợp đồng.

- Tiến độ thực hiện các nội dung chuyển giao của Hợp đồng .

- Báo cáo kết quả chuyển giao thực hiện các quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Đồi mục tại Quảng Ninh:

*(Phụ lục 1: Danh mục các sản phẩm cụ thể và tiến độ thực hiện)*

### Điều 3. Thời gian thực hiện và trình tự giao nhận sản phẩm:

3.1. Thời gian thực hiện: từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2014

3.2. Toàn bộ nội dung công việc nêu trong Điều 1 của Hợp đồng này phải được bên B hoàn thành và bàn giao cho bên A trước ngày 15/04/2014, để đánh giá và nghiệm thu bao gồm:

- Hồ sơ chứng từ hợp lệ đã sử dụng bằng kinh phí dự án:

- Các quy trình công nghệ và các tài liệu liên quan.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận Hồ sơ hợp lệ của bên B, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

**Điều 4. Giá trị Hợp đồng**

- Kinh phí chuyển giao 10 quy trình công nghệ là: 300.000.000 đồng;
- Kinh phí đào tạo, tập huấn là: 120.000.000 đồng.

(Có chi tiết đính kèm- phụ lục 2)

Tổng giá trị Hợp đồng là 420 triệu đồng.

Bằng chữ: *Bốn trăm hai mươi triệu đồng chẵn.*

**Điều 5. Điều kiện và phương thức thanh toán**

Bên A chuyển cho bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt theo 3 đợt cụ thể như sau:

- 40% giá trị hợp đồng trong tháng 4 năm 2013.
- 30% giá trị hợp đồng vào ngày 15/12/2013.
- 30% giá trị còn lại của hợp đồng sau khi giao nộp sản phẩm đạt yêu cầu, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

**Điều 6. Cam kết chung**

Hai bên thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng này. Nếu có tranh chấp phát sinh thì được giải quyết bằng thương lượng và thể hiện bằng văn bản. Nếu tranh chấp không được giải quyết thì sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ 03 bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A ( BÊN GIAO)**  
**TRUNG TÂM KHKT VÀ SẢN XUẤT**  
**GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NINH**



**GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN QUANG HUY

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

VŨ CÔNG TÂM

**ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN NHẬN)**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**  
**TRƯỞNG ĐỒI TRƯỞNG**



T.S HOÀNG HOA HỒNG

CÁN BỘ THỰC HIỆN

PHẠM XUÂN THỦY



**Phụ Lục 1:**

**Danh mục các sản phẩm và tiến độ thực hiện các nội dung Hợp đồng**

| TT                              | Nội dung thực hiện  | Thời gian thực hiện | Sản phẩm phải đạt  |
|---------------------------------|---|---------------------|--|
| <b>1. Chuyên giao công nghệ</b> |   |                     |  |
| 1.1                             | Quy trình thiết kế trại giống và xử lý nước.  | 01-02/2013          | Các quy trình ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với địa phương  |
| 1.2                             | Quy trình nuôi vỗ thành thực cá bố mẹ.  | 01-02/2013          |  |
| 1.3                             | Quy trình công nghệ cho cá bố mẹ sinh sản, ấp nở trứng thu ấu trùng   | 02-03/2013          |  |
| 1.4                             | Quy trình công nghệ ương nuôi từ ấu trùng lên cá bột  | 03/2013             |  |
| 1.5                             | Quy trình công nghệ ương nuôi từ cá bột lên cá hương  | 3-4/2013            |  |
| 1.6                             | Quy trình công nghệ ương nuôi từ cá hương lên cá giống  | 4-5/2013            |  |
| 1.7                             | Quy trình công nghệ phòng và trị bệnh cho cá giống  | 01-5/2013           |  |
| 1.8                             | Quy trình cải tạo và xử lý ao nuôi  | 01-3/2013           |  |
| 1.9                             | Quy trình quản lý và chăm sóc   | 3/2013-02/2014      |  |
| 1.10                            | Quy trình xử lý môi trường và dịch bệnh   | 3/2013-02/2014      |  |
| <b>2. Đào tạo tập huấn</b>      |   |                     |  |
| 2.1                             | Đào tạo 05 kỹ thuật viên tiếp nhận công nghệ sản xuất giống   | 01-4/2013           | Làm chủ được quy trình công nghệ, đáp ứng được yêu cầu công việc.                                |
| 2.2                             | Đào tạo 05 kỹ thuật viên tiếp nhận công nghệ nuôi thương phẩm   | 3/2013-2/2014       | Nắm vững được quy trình kỹ thuật nuôi cá đối mục thương phẩm.                                    |
| 2.3                             | Tập huấn cho 50 nông dân kỹ thuật nuôi thương phẩm  | 3-4/2013            | Nắm vững được quy trình kỹ thuật nuôi cá đối mục thương phẩm và quản lý sức khỏe trong khi nuôi. |
| <b>3. Mô hình ứng dụng:</b>     |   |                     |  |
| 3.1                             | Mô hình sản xuất giống cá đối mục quy mô 1 triệu con (6-8cm).   |                     | Đạt tiêu chuẩn chất lượng như TMDA   |
| 3.2                             | Mô hình nuôi cá đối mục thương phẩm quy mô 3,5ha, 29,4 tấn cá thương phẩm trọng lượng trung bình 0,4kg/con. |                     | Đạt tiêu chuẩn chất lượng như TMDA   |

**Phụ lục 2:**  
**Phân khai kinh phí Đào tạo, tập huấn**

| TT        | Nội dung  | ĐVT   | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền         |
|-----------|---|-------|----------|-----------|--------------------|
| <b>A</b>  | <b>Đào tạo cán bộ kỹ thuật (5 kỹ thuật viên/lớp; 20 ngày/lớp; 2 lớp)</b>      |       |          |           | <b>100.000.000</b> |
| <b>I</b>  | <b>Bên chuyển giao</b>  |       |          |           | <b>68.000.000</b>  |
| 1         | Biên soạn tài liệu (10 quy trình + Bài thực hành)                             | trang | 150      | 45.000    | 6.750.000          |
| 2         | In ấn tài liệu, đóng quyển  | bộ    | 10       | 65.000    | 650.000            |
| 3         | Bồi dưỡng giảng viên chính (10 ngày/lớp)                                      | ngày  | 20       | 300.000   | 6.000.000          |
| 4         | Công cán bộ hướng dẫn thực hành (10 ngày/lớp)                                 | ngày  | 20       | 300.000   | 6.000.000          |
| 6         | Tiền phòng nghỉ giảng viên (2 người x 21 ngày x 300.000đ/người/ngày)          | ngày  | 42       | 300.000   | 12.600.000         |
| 7         | Phụ cấp lưu trú (chế độ 2 người/lớp x 2 lớp x 20 ngày)                        | ngày  | 80       | 150.000   | 12.000.000         |
| 8         | Đi lại giảng viên: 04 lượt x 02 người x 3.000.000/lượt (vé tàu, xe, taxi)     | lượt  | 8        | 3.000.000 | 24.000.000         |
| <b>II</b> | <b>Bên chủ trì dự án</b>  |       |          |           | <b>32.000.000</b>  |
| 8         | Tiền ăn học viên (10 người x 20 ngày x 50.000đ/buổi)                          | người | 200      | 50.000    | 10.000.000         |
| 9         | Nước uống (10 người x 15 ngày x 2 buổi/ngày x 5.000đ/buổi)                    | người | 400      | 5.000     | 2.000.000          |
| 11        | Mua sắm dụng cụ, vật liệu thực hành (01 bộ/người x 10 người)                  | bộ    | 10       | 2.000.000 | 20.000.000         |
| <b>B</b>  | <b>Tập huấn (02 lớp x 25 người/lớp)</b>                                       |       |          |           | <b>20.000.000</b>  |
| <b>I</b>  | <b>Bên chuyển giao</b>  |       |          |           | <b>16.000.000</b>  |
| 1         | Biên soạn tài liệu  | trang | 26       | 50.000    | 1.300.000          |
| 2         | In ấn tài liệu, đóng quyển  | bộ    | 50       | 10.000    | 500.000            |
| 5         | Mua dụng cụ, vật liệu thực hành (1 bộ/người x 25 người/lớp x 2 lớp)           | bộ    | 50       | 192.000   | 9.600.000          |
| 6         | Bồi dưỡng giảng viên chính (1 ngày x 2 lớp)                                   | ngày  | 2        | 300.000   | 600.000            |
| 7         | Công hướng dẫn thực hành (1 ngày x 2 lớp)                                     | ngày  | 2        | 300.000   | 600.000            |
| 8         | Tiền phòng nghỉ giảng viên (2 người x 3 ngày x 300.000đ/2 người/ngày x 2 lớp) | ngày  | 6        | 300.000   | 1.800.000          |
| 9         | Đi lại giảng viên: 02 lượt/người x 02 người/lớp x 200.000đ/lượt x 2 lớp       | lượt  | 8        | 200.000   | 1.600.000          |

|           |   |       |     |         |                  |
|-----------|---|-------|-----|---------|------------------|
| <b>II</b> | <b>Bên chủ trì dự án</b>                                      |       |     |         | <b>4.000.000</b> |
| 1         | Tiền ăn học viên (25 người x 02 ngày x 25.000đ/ngày x 2 lớp)  | người | 100 | 25.000  | 2.500.000        |
| 2         | Nước uống học viên (25 người x 02 ngày x 5.000đ/buổi x 2 lớp) | người | 100 | 5.000   | 500.000          |
| 3         | Makét, hội trường (02 lớp x 500.000đ/lớp)                     | lớp   | 2   | 500.000 | 1.000.000        |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**  
**CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**  
**Số: *10*/2013/HĐ-CGKHCN**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14/6/2005;

Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước (UBTVQH) ngày 25/09/1989 và Nghị định số 17/HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế;

Căn cứ quyết định số 2072/QĐ-BKHCN ngày 16 tháng 8 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và thời gian thực hiện của các dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 – 2015” bắt đầu thực hiện từ năm 2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch 93/TTLT-BTC-BKHCN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Hợp đồng số: NTMN.DA.TW.24-2013 ngày *10*/*10*/*2013* giữa Văn phòng Chương trình Nông thôn Miền núi với Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành về việc thực hiện dự án thuộc chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi” Bắt đầu thực hiện từ năm 2013.

*Hôm nay, ngày *10* tháng *10* năm 2013 tại Trường Đại học Nha Trang*

**CHÚNG TÔI GỒM**

**1- BÊN GIAO (BÊN A):**

**a. Cơ quan chủ trì dự án: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KHÁNH THÀNH**

- Đại diện: Ông **Phạm Văn Quang** - Chức vụ: Giám đốc doanh nghiệp
- Địa chỉ: Xã Kim Đông – Kim Sơn – Ninh Bình.
- Điện thoại: 0974686858.
- Số tài khoản: 946020000003 - MQHNS: 9062660 , tại Kho bạc Nhà Nước huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

**b. Chủ nhiệm Dự án**

- Ông: **Vũ Thế Nguyên**. Chức vụ: Chủ nhiệm dự án.
- Địa chỉ: Yên Đồng - Yên Mô - Ninh Bình.
- Điện thoại: 0972859268 Email: [trungyenks@gmail.com](mailto:trungyenks@gmail.com).



## 2- BÊN NHẬN (BÊN B):

**Cơ quan chuyển giao công nghệ : TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

- Đại diện: Ông Hoàng Hoa Hồng

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng.

Ông Phạm Xuân Thủy

Chức vụ: Cán bộ chuyển giao công nghệ.

- Địa chỉ: 2 - Nguyễn Đình Chiểu - TP. Nha Trang

- Điện thoại: 058 3831149

Fax: 0583831147

- Số tài khoản: 0011100000925008 Ngân hàng TMCP Phương Đông- Chi nhánh Khánh Hòa.

- Mã số sử dụng ngân sách/mã số thuế: 1055504.

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng chuyển giao khoa học công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

### Điều 1. Nội dung Hợp đồng

- Bên B cam kết chuyển giao 14 quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá đối mục tại Ninh Bình (chi tiết tại phụ lục 1)

- Bên B đào tạo cho Bên A 04 kỹ thuật theo học 14 quy trình đã nêu trên trong năm 2013, sau thời gian đào tạo, các kỹ thuật được bên B cấp chứng chỉ theo quy định đào tạo nghề (địa điểm đào tạo tổ chức tại cơ sở sản xuất giống).

- Bên B chịu trách nhiệm về các kết quả sản phẩm dự án (Kết quả sản xuất giống, kết quả nuôi thương phẩm cá đối mục) đạt tiêu chuẩn như thuyết minh dự án đã được phê duyệt (khi bên A tuân thủ các quy trình hướng dẫn của bên B).

- Bên B cử 01 cán bộ kỹ thuật có chuyên môn phù hợp đến ở tại bên A trong thời gian triển khai dự án để theo dõi và hướng dẫn kỹ thuật thực hiện các quy trình trong sản xuất giống cá đối mục (Mô hình ứng dụng sản xuất giống cá đối mục) và hướng dẫn xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá đối mục đã ghi trong thuyết minh dự án.

### Điều 2. Tiến độ thực hiện và sản phẩm của Hợp đồng.

- Tiến độ thực hiện các nội dung chuyển giao của Hợp đồng và sản phẩm của dự án bên B phải thực hiện hoàn thành tại Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành - Ninh Bình theo: (Phụ lục 1 đính kèm)

### Điều 3. Thời gian thực hiện và trình tự giao nhận sản phẩm:

3.1. Thời gian thực hiện: từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2014

3.2. Toàn bộ nội dung công việc nêu trong Điều 1 của Hợp đồng này phải được bên B hoàn thành và bàn giao cho bên A trước ngày 15/9/2014, để đánh giá và nghiệm thu bao gồm:

- Hồ sơ chứng từ hợp lệ đã sử dụng bằng kinh phí dự án;

- Các quy trình công nghệ đã chuyển giao (14 quy trình như ở điều 1) và các tài liệu liên quan;

- Hóa đơn tài chính hợp lệ để bên A thanh quyết toán.

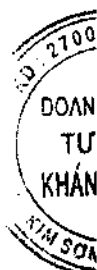
Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận Hồ sơ hợp lệ của bên B, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

### Điều 4. Giá trị Hợp đồng

- Kinh phí chuyển giao 14 quy trình công nghệ là: 227.000.000 đồng;

- Kinh phí đào tạo: 60.000.000 đồng.

Tổng giá trị Hợp đồng là 287 triệu đồng.



Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn.

**Điều 5. Điều kiện và phương thức thanh toán**

Bên A chuyển cho bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt theo 3 đợt cụ thể như sau:

- 60% giá trị hợp đồng trong năm 2013.

- 40% giá trị hợp đồng trong năm 2014, sau khi giao nộp sản phẩm đạt yêu cầu, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

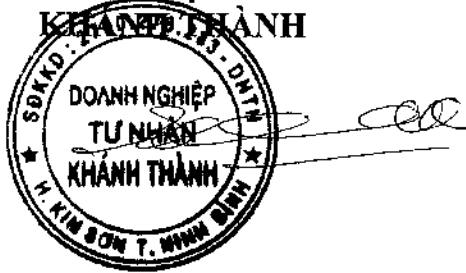
**Điều 6. Cam kết chung**

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng này. Nếu có tranh chấp phát sinh thì được giải quyết bằng thương lượng và thể hiện bằng văn bản. Nếu tranh chấp không được giải quyết thì sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ 03 bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A (BÊN GIAO)  
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

**KHÁNH THÀNH**



**PHẠM VĂN QUANG**

**CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**

**VŨ THỂ NGUYÊN**

**ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN NHẬN)  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG  
P. HIỆU TRƯỞNG**



**T.S HOÀNG HOA HỒNG**

**CÁN BỘ THỰC HIỆN**

**TS. PHẠM XUÂN THỦY**

8.283  
GHIEP  
IAN  
HANH  
HINH 9

**Phụ lục 1:**

**Danh mục các sản phẩm và tiến độ thực hiện các nội dung Hợp đồng**

| TT                              | Nội dung thực hiện  | Thời gian thực hiện | Sản phẩm phải đạt   |
|---------------------------------|---|---------------------|---|
| <b>1. Chuyên giao công nghệ</b> |   |                     |   |
| 1.1                             | Quy trình xử lý nước ương nuôi, vệ sinh bể, dụng cụ sản xuất  | Tháng 7/2013        | Các quy trình ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với địa phương           |
| 1.2                             | Quy trình tuyển chọn cá bố mẹ và nuôi vỗ thành thực cá bố mẹ  | Tháng 7/2013        |   |
| 1.3                             | Quy trình tuyển chọn kích thích cá sinh sản cho đẻ, thu và ấp trứng   | Tháng 8/2013        |   |
| 1.4                             | Quy trình xác định tỷ lệ thụ tinh, tỷ lệ nở   | Tháng 9/2013        |   |
| 1.5                             | Quy trình ương cá bột lên cá hương và ương cá hương lên cá giống  | Tháng 9/2013-9/2014 |   |
| 1.6                             | Quy trình nuôi tảo làm thức ăn cho cá   | Tháng 9/2013-9/2014 |   |
| 1.7                             | Quy trình ấp, nở Artemia làm thức ăn cho cá   | Tháng 9/2013-9/2014 |   |
| 1.8                             | Quy trình phòng trị bệnh  | Tháng 9/2013-9/2014 |   |
| 1.9                             | Quy trình tuyển chọn cá giống   | 8/2013-9/2014       |   |
| 1.10                            | Quy trình vệ sinh, cải tạo, chuẩn bị ao nuôi  | 8/2013-9/2014       |   |
| 1.11                            | Quy trình cho ăn, chăm sóc cá nuôi  | 8/2013-9/2014       |   |
| 1.12                            | Quy trình quản lý môi trường và thay nước   | 8/2013-9/2014       |   |
| 1.13                            | Quy trình chống rét mùa đông cho cá nuôi  | 8/2013-9/2014       |   |
| 1.14                            | Quy trình phòng trị bệnh cho cá nuôi  | 8/2013-9/2014       |   |
| <b>2. Đào tạo kỹ thuật</b>      |   |                     |   |
| 2.1                             | Đào tạo 04 kỹ thuật viên tiếp nhận công nghệ sản xuất giống, nuôi thương phẩm cá đối mục                    | 8-12/2013           | Làm chủ được quy trình công nghệ, đáp ứng được yêu cầu công việc. |
| <b>3. Mô hình ứng dụng:</b>     |   |                     |   |
| 3.1                             | Mô hình sản xuất giống cá đối mục: Sản xuất được 1 triệu con (Cỡ cá 6-8cm).                                 | 8/2013-9/2014       | Đạt tiêu chuẩn chất lượng như TMDA                                |
| 3.2                             | Mô hình nuôi cá đối mục thương phẩm quy mô 2ha, 20 tấn cá thương phẩm trọng lượng trung bình 0,4-0,5kg/con. | 8/2013-9/2014       | Đạt tiêu chuẩn chất lượng như TMDA                                |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**

Số: 15 - KT

**Về việc: Chuyển giao công nghệ sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii* Lacepède, 1081)**

**Thuộc dự án: Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii* Lacepède, 1081) tại tỉnh Ninh Bình**

- Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Nghị định số 11/2005/NĐ-CP ngày 02/2/2005 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ sửa đổi;
- Căn cứ Thông tư số 07/2011/TT-BKHHCN ngày 27/6/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015;
- Căn cứ Thông tư số 101/2011/TTLT/BTC-BKHHCN ngày 8/7/2011 về việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015;
- Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015";
- Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-BKHHCN ngày 07/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và thời gian thực hiện của các dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015" bắt đầu thực hiện từ kế hoạch năm 2014;
- Căn cứ Hợp đồng thực hiện Dự án thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi" giai đoạn 2011 - 2015, số: NTMN.DA.TW.24 - 2014 giữa Văn phòng chương trình nông thôn miền núi và Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn



Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2014 tại Văn phòng Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**1. Bên tiếp nhận công nghệ (Cơ quan chủ trì dự án - Bên A) là Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn**

- Đại diện là Ông: Nguyễn Văn Môn
- Chức vụ: Giám đốc Doanh nghiệp
- Địa chỉ: Xóm 4. Xã Kim Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 0912.262.704
- Số tài khoản: 3751.0.9012731 tại kho bạc huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

**Chủ nhiệm dự án:**

- Ông: Nguyễn Đức Đại
- Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật
- Địa chỉ: Xóm 5, xã Cồn Thoi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
- Điện thoại: 0979 578 945
- Trần Thị Thùy Trang, - Chức vụ: Kế toán trưởng

**2. Bên chuyển giao công nghệ (Bên B) là: Trường Đại học Nha Trang**

- Đại diện là Ông: Vũ Văn Xứng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Điện thoại: 0583.831.147, Fax: 0583.831.147, E-mail: dhtsnt@dng.vnn.vn
- Website: <http://www.ntu.edu.vn>
- Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa
- Số tài khoản: 3711.1.1055504 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

**Đại diện nhóm chuyển giao công nghệ:**

- Đại diện là Ông: Lại Văn Hùng
- Chức vụ: Trưởng Bộ môn Nuôi thủy sản nước mặn, Viện Nuôi trồng Thủy sản
- Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa
- Cơ quan: (058) 3833.446 Nhà riêng: (058)3810.869 Mobile: (090) 5127589
- Fax: (058) 3833.446 E-mail: hungdhts@gmail.com
- Địa chỉ nhà riêng: số 259 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Khánh Hoà

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (*Trachinotus blochi*, Lacepede 1081) trong khuôn khổ dự án thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015" (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Luật và ngôn ngữ sử dụng cho Hợp đồng**

- Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống Luật Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng: Là tiếng Việt.

**Điều 2. Bên B cam kết thực hiện dự án** “Xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii* Lacepede, 1801) tại tỉnh Ninh Bình”. Theo các nội dung, tiến độ và sản phẩm nêu trong thuyết minh dự án đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Thời gian thực hiện hợp đồng là 21 tháng, từ tháng 4/2014 đến tháng 12/2015.

**II. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN**

**Điều 4. Trách nhiệm bên A:**

- Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ về cơ sở, vật chất, trang thiết bị, máy móc và nhân lực để phục vụ cho việc sản xuất và tiếp nhận công nghệ khi bên B chuyển giao.
- Giám sát tình hình bên B thực hiện Hợp đồng theo các nội dung nêu trong phụ lục kèm theo Hợp đồng này.
- Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Hợp đồng của bên B theo các chỉ tiêu kỹ thuật nêu trong phụ lục Hợp đồng.
- Trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng của Bên B, Bên A xem xét và xác nhận khối lượng công việc đạt được phù hợp với kinh phí đã sử dụng và theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Ninh Bình”. Bên A có quyền kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng thanh toán (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ).
- Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.
- Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:
- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết nêu trong phụ lục hợp đồng dẫn đến Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Ninh Bình” không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;
- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

**Điều 5. Trách nhiệm bên B:**

- Bên B có trách nhiệm đào tạo và chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất giống cá chim vây vàng cho bên A ( 4 người), tại Ninh Bình.
- Khi kết thúc khóa đào tạo bên B có trách nhiệm cấp chứng chỉ đào tạo của trường đại học thủy sản Nha Trang cho 4 kỹ thuật đã tham gia tập huấn.
  - Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết.
  - Lập dự toán kinh phí và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung và bàn giao đúng tiến độ.
  - Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định.
  - Bên B có trách nhiệm thanh quyết toán đầy đủ chứng từ, hóa đơn tài chính liên quan đến kinh phí mà bên B đã nhận cho bên A và các khoản chi phí đã sử dụng tại bên A.
  - Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.
  - Báo cáo tiến độ thực hiện vào cuối mỗi đợt thanh toán (theo mẫu của nhà nước quy định) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận.

Nội dung đào tạo chuyển giao: Quy trình sản xuất giống nhân tạo cá chim vây vàng, quy trình nuôi thương phẩm trong ao, quy trình sản xuất cá giống, quy trình nuôi thương phẩm cá trong ao đất, quy trình nuôi cá hậu bị tạo đàn bố mẹ, quy trình nuôi tảo và làm giàu artemia.

**III. TÀI CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG**

**Điều 6:** Kinh phí chuyển giao công nghệ : 345.000.000 đồng, ( Ba trăm bốn năm triệu đồng).

#### IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

**Điều 7:** Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015.

#### V. SẢN PHẨM CỦA HỢP ĐỒNG

Bao gồm các nội dung và quy trình nuôi vỗ cá bố mẹ, quy trình sản xuất giống cá chim vây vàng, nuôi thương phẩm cá chim vây vàng, và các quy trình liên quan đến dự án được ghi trong phụ lục.

#### VI. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

**Điều 8:** Giá trị hợp đồng 345.000.000đ ( Ba trăm bốn năm triệu đồng).

**Điều 9:** Hình thức thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán trong hai lần cho bên B. Lần thứ nhất thanh toán 145.000.000đ ( Một trăm bốn năm triệu) năm 2014 và lần thứ hai thanh toán 200.000.000đ ( Hai trăm triệu đồng) năm 2015 sau khi bàn giao, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

**Điều 10.** Phương thanh toán: Thanh toán theo hình thức chuyển khoản.

#### VII. CAM KẾT CHUNG

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Hợp đồng chuyển giao công nghệ.
- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
- Hợp đồng làm thành 8 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

10/1  
31  
17  
07  
11



**BÊN A**  
(Chủ trì Dự án)  
**GIÁM ĐỐC**  
**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**  
**HẢI TUẤN**



**Nguyễn Văn Môn**

**CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**

A handwritten signature in black ink.

**Nguyễn Đức Đại**

**BÊN B**  
(Chuyên giao công nghệ)  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**



**TS Vũ Văn Xứng**

**NHÓM CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ**

A handwritten signature in black ink.

**PGS TS Lại Văn Hùng**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Hợp đồng số 15 - KT)

**Bảng 1: Danh mục tài liệu**

| Số TT | Tài liệu  | Số lượng | Ghi chú |
|-------|---|----------|---------|
| 1     | <b>Hồ sơ báo cáo tổng kết của dự án:</b>            |          |         |
|       | - Báo cáo tổng kết                                  | 15 bản   |         |
|       | - Báo cáo tóm tắt                                   | 15 bản   |         |
|       | - Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện các mô hình | 15 bản   |         |
|       | - Biên bản hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh/thành phố   | 15 bản   |         |
|       | - Báo cáo quyết toán kinh phí của dự án.            | 15 bản   |         |
|       | - Các quy trình kỹ thuật                            | 15 bản   |         |

**Bảng 2: Danh mục sản phẩm khoa học và công nghệ**

| Số TT    | Tên sản phẩm                                  | Số lượng | Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và quy mô   | Ghi chú |
|----------|---|----------|---|---------|
| <b>I</b> | <b>Các qui trình công nghệ chuyển giao</b>    |          |   |         |
| 1        | Quy trình kỹ thuật nuôi vỗ đàn cá bố mẹ       | 01 QT    | Các quy trình đảm bảo ngắn gọn, rõ ràng, phù hợp với điều kiện địa phương, dễ tiếp thu và thực hiện |         |
| 2        | Quy trình kỹ thuật ương cá bột lên cá hương   | 01 QT    |   |         |
| 3        | Quy trình kỹ thuật ương cá hương lên cá giống | 01 QT    |   |         |

|  |   |       |  |  |
|--|---|-------|--|--|
| 4  | Quy trình kỹ thuật nuôi tảo đơn bào phục vụ ương nuôi cá chim vây vàng                  | 01 QT |  |  |
| 5  | Quy trình kỹ thuật nuôi, làm giàu luân trùng Artemia phục vụ ương nuôi cá chim vây vàng | 01 QT |  |  |
| 6  | Quy trình kỹ thuật ương giống lớn trong ao  | 01 QT |  |  |
| 7  | Quy trình kỹ thuật quản lý và chăm sóc cá trong ao nuôi                                 | 01 QT |  |  |
| 8  | Quy trình kỹ thuật phòng và trị một số bệnh trên cá chim vây vàng                       | 01 QT |  |  |
| 9  | Quy trình kỹ thuật thu hoạch và vận chuyển cá giống, thương phẩm                        |       |  |  |
| <b>II</b> <i>Mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất</i> |   |       |  |  |
| 1  | Mô hình sản xuất giống cá Chim vây vàng   | 01    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ nở: 80%</li> <li>- Tỷ lệ cá bột lên hương: 10%</li> <li>- Tỷ lệ cá hương lên giống cỡ 4 – 5 cm: 90%.</li> <li>- Tỷ lệ cá giống cỡ 4 – 5 cm lên cá giống lớn 8 – 10 cm: 80%</li> </ul> |  |
| 2  | Mô hình nuôi thương phẩm cá Chim vây vàng   | 01    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ sống đạt 70%.</li> <li>- Trọng lượng cá thu hoạch &gt; 500 g/con</li> <li>- Thời gian nuôi: 8 – 10 tháng.</li> <li>- Năng suất 4-8 tấn/ha</li> </ul>                                  |  |

**Bảng 3: Danh mục sản phẩm cụ thể**

| Số TT     | Tên sản phẩm                  | Số lượng           | Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu  | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------|--------------------|--|---------|
| <b>I</b>  | <b>Sản phẩm</b>               |                    |  |         |
| 1         | Cá bố mẹ                      | 100 con            | Kích thước 2,5 – 3 kg, có khả năng tham gia sinh sản   |         |
| 2         | Cá chim vây vàng giống cỡ nhỏ | 220.000 con        | Kích cỡ 3 - 4 cm   |         |
| 3         | Cá chim vây vàng giống cỡ lớn | 30.000 con         | Kích cỡ 8 - 10 cm  |         |
| 4         | Cá Chim vây vàng thương phẩm  | 18 tấn             | Trọng lượng: > 500 g/con   |         |
| <b>II</b> | <b>Đào tạo tập huấn</b>       |                    |  |         |
| 1         | Đào tạo kỹ thuật viên         | 12 cán bộ kỹ thuật | Cán bộ dự án và địa phương về công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Chim vây vàng.                   |         |
| 2         | Tập huấn nông dân             | 360 người          | - Năm vững kỹ thuật sản xuất giống cá Chim vây vàng.<br>- Năm vững kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Chim vây vàng. |         |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng số: 15 - KT

Ninh Bình, ngày 4 tháng 4 năm 2016

Căn cứ vào hợp đồng chuyên giao công nghệ số 15 - KT, ngày 01/04/ 2014 giữa Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn và Trường Đại học Nha Trang;

Hôm nay, ngày tháng năm 2015 tại Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn, Chúng tôi gồm có:

**1. Bên tiếp nhận công nghệ (Cơ quan chủ trì dự án - Bên A): Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn**

Đại diện là Ông: **Nguyễn Văn Môn**

Chức vụ: Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hải Tuấn

Địa chỉ: Xóm 4 – Kim Hải – Kim Sơn – Ninh Bình

Số điện thoại: 0912.261.704

Số tài khoản: 3751.0.9012731 Kho bạc Nhà nước Huyện Kim Sơn - tỉnh Ninh Bình

**Chủ nhiệm dự án: Ông Nguyễn Đức Đại**

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Địa chỉ: Xóm 5 – Cồn Thoi – Kim Sơn – Ninh Bình

Điện thoại: 0979.578.945

Email: [daikakaks@gmail.com](mailto:daikakaks@gmail.com)

**2. Bên chuyển giao công nghệ (Bên B): Trường Đại học Nha Trang**

Đại diện là Ông: **Trang Sĩ Trung**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0583.831.149, Fax: 0583.831.147, E-mail: [dhtsnt@dng.vnn.vn](mailto:dhtsnt@dng.vnn.vn)

Website: <http://www.ntu.edu.vn>

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa

Số tài khoản: 3711.1.1055504 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

**Đại diện nhóm chuyên giao công nghệ:**

Đại diện là Ông: **Lại Văn Hùng**

Chức vụ: Giảng viên - Bộ môn Nuôi thủy sản nước mặn, Viện Nuôi trồng Thủy sản

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa

Cơ quan: (058) 3833.446 Nhà riêng: (058)3810.869 Mobile: (090) 5127589

Fax: (058) 3833.446 E-mail: [hungdhts@gmail.com](mailto:hungdhts@gmail.com)

Địa chỉ nhà riêng: số 259 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Khánh Hoà

**ĐIỀU 1 : THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mình như quy định trong hợp đồng chuyên giao công nghệ số 15 - KT, ngày 01/04/ 2014 giữa Doanh nghiệp Tư nhân Hải Tuấn và Trường Đại học Nha Trang.

Yêu cầu về số lượng, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật đảm bảo đúng theo thuyết minh Dự án "Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Ninh Bình" thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015" và hợp đồng chuyên giao công nghệ đã ký kết, cụ thể:

| STT      | Tên sản phẩm                                    | Số lượng | Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và quy mô         | Ghi chú |
|----------|---|----------|---|---------|
| <b>I</b> | <b>Các quy trình công nghệ được chuyển giao</b> |          |   |         |
| 1        | Quy trình kỹ thuật nuôi vỗ đàn cá bố mẹ         | 01 QT    | Các quy trình ngắn gọn, khoa học, áp dụng mang lại hiệu |         |
| 2        | Quy trình kỹ thuật ương cá bột lên cá hương     | 01 QT    |   |         |
| 3        | Quy trình kỹ thuật ương cá hương lên cá giống   | 01 QT    |   |         |

*Handwritten signature*

- Hai bên ký Biên bản thanh lý Hợp đồng;
- Bên A nhận được các chứng từ thanh toán theo quy định của Nhà nước.

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

**ĐIỀU 3 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Hai bên nhất trí thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ số 15 - KT, ngày 01/04/ 2014.

Biên bản thanh lý được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 02 bản.

**BÊN A**

(Chủ trì thực hiện Dự án)

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Môn

**CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**

Nguyễn Đức Đại

**BÊN B**

(Chuyên gia công nghệ)

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**



Trương Sĩ Trung

**NHÓM CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ**

Lại Văn Hùng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**SỐ: 01/NTMN.DA.TW.30 – 2014/HĐCGCN**

**Thuộc dự án: Xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Khánh Hòa**

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2011/NĐ-CP ngày 15/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2011/TT-BKHCN ngày 27/6/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 – 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 101/2011/TTLT/BTC-BKHCN ngày 8/7/2011 về việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 – 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015";*

*Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-BKHCN ngày 07/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và thời gian thực hiện của các dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015" bắt đầu thực hiện từ kế hoạch năm 2014;*

*Căn cứ Hợp đồng thực hiện Dự án thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi" giai đoạn 2011 – 2015, số: NTMN.DA.TW.30 – 2014 giữa Văn phòng chương trình nông thôn miền núi và Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa.*

Hôm nay, ngày 8 tháng 8 năm 2014 tại Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa. Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**1. Bên tiếp nhận công nghệ (Cơ quan chủ trì dự án - Bên A): Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa**

Đại diện là Ông: Nguyễn Bảo Quốc

Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Khánh Hòa

Địa chỉ: Nhà C3 - Khu liên cơ I – 01 Trần Phú - Nha Trang - Khánh Hòa

Số điện thoại: 058-3822264

Số tài khoản: 3711.2.1117641 Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

**Chủ nhiệm dự án:**

Ông: Nguyễn Khánh Nam

Chức vụ: Nhân viên

Địa chỉ: Nhà C3 - Khu liên cơ I – 01 Trần Phú - Nha Trang - Khánh Hòa

Điện thoại: 058-3822276

Email: [nn8866@gmail.com](mailto:nn8866@gmail.com)

**2. Bên chuyển giao công nghệ (Bên B): Trường Đại học Nha Trang**

Đại diện là Ông: Vũ Văn Xúng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0583.831.147, Fax: 0583.831.147, E-mail: [dhtsnt@dnng.vnn.vn](mailto:dhtsnt@dnng.vnn.vn)

Website: <http://www.ntu.edu.vn>

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa

Số tài khoản: 3711.1.1055504 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa

**Đại diện nhóm chuyển giao công nghệ:**

Đại diện là Ông: Lại Văn Hùng

Chức vụ: Trưởng Bộ môn Nuôi thủy sản nước mặn, Viện Nuôi trồng Thủy sản

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Nha Trang – Khánh Hòa

Cơ quan: (058) 3833.446 Nhà riêng: (058)3810.869 Mobile: (090) 5127589

Fax: (058) 3833.446 E-mail: [hungdhts@gmail.com](mailto:hungdhts@gmail.com)

Địa chỉ nhà riêng: số 259 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Khánh Hoà

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng (*Trachinotus blochi*, Lacepede 1081) trong khuôn khổ dự án Dự án NTMN.DA.TW.30 – 2014 thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015" (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Luật và ngôn ngữ sử dụng cho Hợp đồng**

Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống Luật của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng cho Hợp đồng là tiếng Việt.



## **Điều 2. Phương thức chuyên giao công nghệ**

Bên B biên soạn tài liệu, quy trình kỹ thuật công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng; đào tạo và tập huấn cho học viên; hướng dẫn các địa điểm xây dựng mô hình nắm vững công nghệ; hỗ trợ kỹ thuật cho các mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng đạt các thông số kỹ thuật, sản phẩm cụ thể nêu trong phụ lục Hợp đồng.

## **Điều 3. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật**

Yêu cầu về chất lượng, các yêu cầu kỹ thuật phải đảm bảo đúng theo thuyết minh Dự án "Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Khánh Hòa" thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015".

## **Điều 4. Thời gian, tiến độ thực hiện**

Thời gian thực hiện: 15 tháng, tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong Hợp đồng.

- Bắt đầu từ tháng 8 năm 2014.

- Kết thúc tháng 10 năm 2015.

## **Điều 5. Giá trị hợp đồng**

Tổng giá trị hợp đồng: **255.000.000 đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).**

Tiến độ cấp: Theo tiến độ cấp kinh phí dự án "Xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Khánh Hòa" từ nguồn vốn của Chương trình Nông thôn Miền núi.

## **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ chung của bên chủ trì Dự án (bên A)**

Kiểm tra tình hình bên B thực hiện Hợp đồng theo các nội dung nêu trong phụ lục kèm theo Hợp đồng này.

Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Hợp đồng của bên B theo các chỉ tiêu kỹ thuật nêu trong phụ lục Hợp đồng.

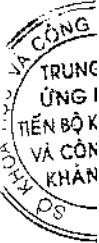
Trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng của Bên B, Bên A xem xét và xác nhận khối lượng công việc đạt được phù hợp với kinh phí đã sử dụng và theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh Dự án "Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Khánh Hòa". Bên A có quyền kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng thanh toán (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ).

Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết nêu trong phụ lục Hợp đồng dẫn đến Dự án "Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Khánh Hòa" không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;



- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

Sau khi tiếp nhận công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng bên A được quyền chuyển giao, nhân rộng cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ chung của bên chuyển giao công nghệ (bên B)**

Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết.

Lập dự toán kinh phí và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung và bàn giao đúng tiến độ.

Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định.

Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả, thực hiện nghĩa vụ đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước các khoản kinh phí đã nhận.

Báo cáo tiến độ thực hiện vào cuối mỗi đợt thanh toán (theo mẫu do bên A qui định) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận.

#### **Điều 7. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng**

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

*Đối hoạt động chuyển giao công nghệ đã kết thúc:*

- Khi hoạt động chuyển giao công nghệ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A hoàn tất thanh toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành;

- Khi hoạt động chuyển giao công nghệ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn/chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu.

*Đối với hoạt động chuyển giao công nghệ không hoàn thành:*

- Trường hợp hoạt động chuyển giao công nghệ không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính;

- Trường hợp hoạt động chuyển giao công nghệ không hoàn thành do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện dự án chuyển giao công nghệ;

- Trường hợp hoạt động chuyển giao công nghệ không hoàn thành không do lỗi của Bên B (do các điều kiện khách quan, thiên tai, dịch họa...) thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện dự án chuyển giao công nghệ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí đã được cấp theo quy định của pháp luật;

- Nếu hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã



lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

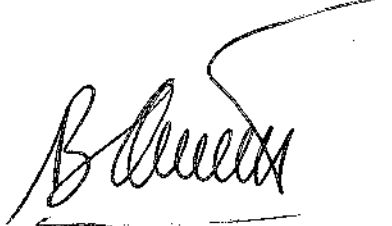
Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng.

Hợp đồng làm thành 8 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

**BÊN A**

(Chủ trì thực hiện Dự án)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

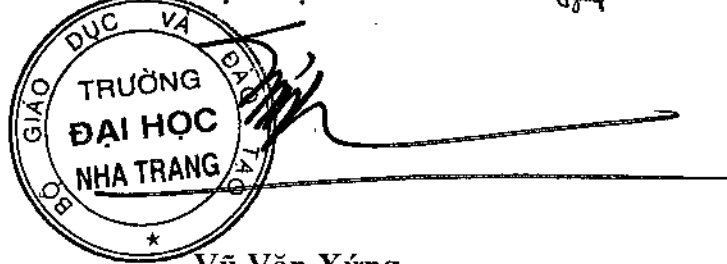


**Nguyễn Bảo Quốc**

**BÊN B**

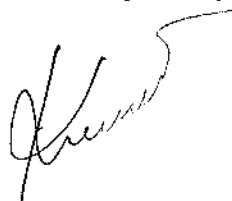
(Chuyên gia công nghệ)

**HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**



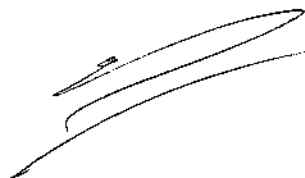
**Vũ Văn Xứng**

**CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**



**Nguyễn Khánh Nam**

**NHÓM CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ**



**Lại Văn Hùng**



## PHỤ LỤC

(Kèm theo Hợp đồng số )

**Bảng 1: Danh mục tài liệu**

| STT | Tài liệu                               | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--|----------|---------|
| 1   | <b>Hồ sơ báo cáo tổng kết</b>          | 15 bản   |         |
|     | Báo cáo quyết toán kinh phí đã sử dụng |          |         |

**Bảng 2: Danh mục sản phẩm khoa học và công nghệ sau khi chuyển giao**

| STT       | Tên sản phẩm  | Số lượng   | Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và quy mô  | Ghi chú |
|-----------|---|------------|--|---------|
| <b>I</b>  | <b>Các quy trình công nghệ được chuyển giao</b>                           |            |  |         |
| 1         | Công nghệ ương cá bột lên cá hương  | 01 QT      | Các quy trình công nghệ ngắn gọn, khoa học, áp dụng mang lại hiệu quả cao.   |         |
| 2         | Công nghệ ương cá hương lên cá giống                                      | 01 QT      |  |         |
| 3         | Công nghệ nuôi thức ăn sống phục vụ ương nuôi cá chim vây vàng            | 01 QT      |  |         |
| 4         | Công nghệ phòng và trị một số bệnh trên cá chim vây vàng giống            | 01 QT      |  |         |
| 5         | Công nghệ nuôi thương phẩm cá chim bằng lồng trên biển                    | 01 QT      |  |         |
| 6         | Công nghệ nuôi thương phẩm cá chim vây vàng trong ao                      | 01 QT      |  |         |
| 7         | Công nghệ quản lý môi trường ao nuôi thương phẩm cá chim                  | 01 QT      |  |         |
| 8         | Công nghệ phòng và trị một số bệnh trên cá chim vây vàng nuôi thương phẩm | 01 QT      |  |         |
| 9         | Công nghệ thu hoạch và vận chuyển cá sống                                 | 01 QT      |  |         |
| <b>II</b> | <b>Mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất</b>                                |            |  |         |
| 1         | Mô hình sản xuất giống cá chim vây vàng                                   | 04 mô hình | Quy mô: 250.000 con giống cỡ 4-5cm và 15.000 con giống cỡ 8-10cm/mô hình.<br>Chỉ tiêu: Tỷ lệ nở của trứng 80%; tỷ lệ sống của cá hương: 10%; cá giống 4-5 cm 90%; cá giống lớn 8-10 cm: 80%. |         |
| 2         | Mô hình nuôi thương phẩm cá chim vây vàng bằng lồng bè                    | 02 mô hình | Quy mô: sản lượng đạt 7,5 tấn/mô hình<br>Chỉ tiêu: Năng suất 6 kg/m <sup>3</sup> ; chu kỳ  |         |

|   |  |            |   |
|---|--|------------|---|
|   |  |            | nuôi 10 tháng/vụ; tỷ lệ sống 70%; cỡ cá thu hoạch: 0,6 kg.  |
| 3 | Mô hình nuôi thương phẩm cá chim vây vàng trong ao | 02 mô hình | Quy mô: sản lượng đạt 2,5 tấn/mô hình. Chỉ tiêu: Năng suất 4 - 6 tấn/ha/vụ; chu kỳ nuôi 8 - 10 tháng/vụ; tỷ lệ sống 70%; cỡ cá thu hoạch: 0,5 kg. |

**Bảng 3: Danh mục sản phẩm cụ thể**

| STT | Tên sản phẩm                        | Số lượng      | Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu                                 | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|---------------|---|---------|
| 1   | Cá chim vây vàng giống cỡ 4 - 5cm   | 1.000.000 con | Cá khỏe mạnh, không nhiễm bệnh  |         |
| 2   | Cá chim vây vàng giống cỡ 8 - 10 cm | 60.000 con    | Cá khỏe mạnh, không nhiễm bệnh  |         |
| 3   | Cá chim thương phẩm nuôi lồng       | 15.000 kg     | Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm                                     |         |
| 4   | Cá chim thương phẩm nuôi ao         | 5.000 kg      | Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm                                     |         |
| 5   | Kỹ thuật viên được đào tạo          | 06 người      | Hiểu và làm chủ được quy trình  |         |
| 6   | Tập huấn cho nông dân               | 50 người      | Hiểu biết được quy trình và có khả năng vận dụng vào thực tế sản xuất |         |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**Về việc thiết kế kỹ thuật mẫu và định mức kỹ thuật ngư lưới cụ**

Số: **3.4** /HĐKT-2015

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;

- Căn cứ Luật Thương mại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;

- Căn cứ yêu cầu, khả năng và điều kiện mỗi bên.

Hôm nay, ngày **02** tháng **7** năm 2015, tại Trường Đại học Nha Trang. Chúng tôi gồm:

**Bên A: CHI CỤC KHAI THÁC VÀ BVNL THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH**

- Ông: **TRẦN KIM DƯƠNG** Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Phụ trách
- Địa chỉ: 110 Trần Hưng Đạo – TP. Quy Nhơn – tỉnh Bình Định
- Điện thoại: 056.3892038 Fax: 056.3892812
- Số tài khoản: 9527.2.1072756 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định
- Mã số thuế: 4100299616

**Bên B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

- Ông: **TRANG SĨ TRUNG** Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa.
- Điện thoại: 0583.833969 Fax: 0583.831147
- Số tài khoản: 0011100000925008 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông- Chi nhánh Khánh Hòa

Người thực hiện: **NGUYỄN TRỌNG THẢO** - Trưởng Bộ môn Công nghệ khai thác thủy sản, Viện Khoa học và Công nghệ khai thác thủy sản, Trường Đại học Nha Trang.

- Sau khi bàn bạc thỏa thuận, hai bên thống nhất các điều khoản sau:

**Điều 1. Nội dung hợp đồng**

Bên A giao cho bên B thực hiện công việc xây dựng hồ sơ thiết kế kỹ thuật 04 mẫu ngư lưới cụ, gồm: 01 mẫu lưới vây ngày cá ngừ, 01 mẫu lưới vây kết hợp ánh sáng, 01 mẫu lưới rê hỗn hợp, 01 mẫu lưới màn chụp đáp ứng được yêu cầu của ngư dân tỉnh Bình Định, với các yêu cầu kỹ thuật chính như sau:

| STT | MẪU LƯỚI                  | THÔNG SỐ KỸ THUẬT   |
|-----|---------------------------|---|
| 1   | Lưới vây ngày cá ngừ      | L=1.245m; Lo = 1.524m<br>H = 135m; Ho = 250m<br>Ht = 91m<br>Hc = 82m    |
| 2   | Lưới vây kết hợp ánh sáng | L= 821m; Lo = 1054m<br>H = 120m; Ho = 200m<br>Ht = 73m<br>Hc = 76m      |
| 3   | Lưới màn chụp             | C=157m, Ho = 62,2m  |
| 4   | Lưới rê hỗn hợp           | Mẫu 1<br>Lgp = 48,8m; Ugp = 0,61<br>Lgc = 54,8m; Ugc = 0,68<br>Ho = 45m |
|     |                           | Mẫu 2<br>Lgp = 48m; Ugp = 0,60<br>Lgc = 54,8m; Ugc = 0,68<br>Ho = 44m   |
|     |                           | Mẫu 3<br>Lgp = 48m; Ugp = 0,60<br>Lgc = 54m; Ugc = 0,68<br>Ho = 46.5m   |
|     |                           | Mẫu 4<br>Lgp = 48m; Ugp = 0,60<br>Lgc = 54m; Ugc = 0,68<br>Ho = 43m     |

## Điều 2. Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật

- Tuân theo quy trình thiết kế lưới.
- Kết cấu hợp lý, phù hợp với đối tượng và ngư trường khai thác, có hiệu quả kinh tế, mang tính chọn lọc cao.
- Tiết kiệm nguyên vật liệu làm mới, giảm chi phí giá thành vàng lưới.
- Dễ dàng thao tác trong quá trình cơ giới hóa, phù hợp với điều kiện tàu thuyền và trình độ của ngư dân địa phương.
- Lựa chọn vật liệu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật
- Các công đoạn trong quy trình được hướng dẫn đơn giản chính xác và dễ thao tác
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật mẫu lưới được Hội đồng thẩm định của Bên A thông qua.

## Điều 3. Phạm vi cung cấp:

Bên B phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ sau đây:

- 02 bộ hồ sơ thiết kế kỹ thuật cho mỗi mẫu lưới đã được thẩm định (*Số lượng bản vẽ và tài liệu thuyết minh, tính toán theo phụ lục đính kèm*)
- 02 bản khái toán giá thành cho mỗi mẫu lưới.



#### **Điều 4. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Bên B phải hoàn thành việc xây dựng hồ sơ thiết kế kỹ thuật 04 mẫu lưới cho Bên A chậm nhất là 30 ngày làm việc tính từ ngày hợp đồng được ký kết.

#### **Điều 5. Giá trị và hình thức hợp đồng**

- Giá xây dựng hồ sơ thiết kế kỹ thuật 4 mẫu lưới tạm tính theo dự toán: **160.000.000đ** (bình quân 40.000.000đ/mẫu)

*(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)*

- Giá trị thanh toán thực tế là giá đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt;

Trong đó:

+ Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bình Định chịu trách nhiệm thanh toán phần Ngân sách tỉnh hỗ trợ là 70%.

+ Các cơ sở mua bán ngư lưới cụ chịu trách nhiệm phần đóng góp để thanh toán là 30%.

Các cơ sở mua bán ngư lưới cụ ủy quyền cho Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản ký hợp đồng với đơn vị thiết kế và thanh toán phần đóng góp của các cơ sở mua bán ngư lưới cụ cho đơn vị thiết kế.

- Hình thức Hợp đồng: Trọn gói

#### **Điều 6. Phương thức thanh toán**

Bên A thanh toán cho Bên B như sau:

- Bên A chuyển cho Bên B số tiền tạm ứng là 20% giá trị tạm tính của hợp đồng tương đương số tiền 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng chẵn*) ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

- Bên A thanh quyết toán giá trị hợp đồng sau khi Bên B bàn giao sản phẩm cho Bên A: có biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính và đã được ngân sách cấp kinh phí.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Đồng tiền thanh toán: VND (Việt Nam đồng)

#### **Điều 7. Bản quyền thiết kế:**

Bản quyền thiết kế mẫu lưới thuộc về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định.

Bên B phải cam kết rằng các tài liệu thiết kế và các tài liệu khác do Bên B lập và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc Bên thứ ba nào.

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả từ việc khiếu nại rằng bất cứ tài liệu báo cáo hoặc các tài liệu khác theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay Bên thứ ba nào khác.

### Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng và địa chỉ liên lạc

- Ngôn ngữ sử dụng trong các hồ sơ bản vẽ thiết kế là tiếng Việt. Ngôn ngữ sử dụng trong trao đổi thông tin giữa các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng là tiếng Việt.

- Toàn bộ các thông tin trao đổi giữa hai bên liên quan đến hợp đồng này được gửi đến địa chỉ trụ sở của hai bên như ghi ở phần đầu bản hợp đồng này. Trong trường hợp một bên muốn thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải có thông báo bằng văn bản tới bên kia.

### Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- Trường hợp xảy ra tranh chấp trong khi thực hiện hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết;

- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa hai bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải hoặc Tòa án kinh tế giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 10 bộ, Bên A giữ 06 bộ, Bên B giữ 04 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

#### ĐẠI DIỆN BÊN A

  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG  
*Trần Kim Dương*

#### ĐẠI DIỆN BÊN B

Người thực hiện HIỆU TRƯỞNG

  
*Nguyễn Trọng Châu*  
*Trang Pi Trung*

**PHỤ LỤC HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT**

(Đính kèm theo Hợp đồng số: /HĐKT- 2015 ngày tháng năm 2015)

| TT         | Mẫu lưới thiết kế                | Các bản vẽ                               | Số lượng  | Tài liệu bằng chữ  | Số lượng  |
|------------|----------------------------------|--|-----------|--|-----------|
| <b>I</b>   | <b>LƯỚI VÂY CÁ NGỪ</b>           |  | <b>04</b> |  | <b>05</b> |
| 1          |                                  | Bảng vẽ tổng thể vàng lưới vây cá ngừ    | 01        | Thuyết minh chung  | 01        |
| 2          |                                  | Bảng vẽ triển khai vàng lưới vây cá ngừ  | 01        | Cơ sở chọn công thức tính chiều dài vàng lưới vây cá ngừ.          | 01        |
| 3          |                                  | Bảng vẽ lắp ráp vàng lưới vây cá ngừ     | 01        | Tính chọn kết cấu vàng lưới.                                       | 01        |
| 4          |                                  | Bảng vẽ kỹ thuật: phao, chì, vòng khuyên | 01        | Tính chọn hệ thống dây giềng.                                      | 01        |
|            |                                  |  |           | Tính toán trang bị phao chì.                                       | 01        |
| <b>II</b>  | <b>LƯỚI VÂY KẾT HỢP ÁNH SÁNG</b> |  | <b>04</b> |  | <b>05</b> |
| 1          |                                  | Bảng vẽ tổng thể vàng lưới vây cá ngừ    | 01        | Thuyết minh chung  | 01        |
| 2          |                                  | Bảng vẽ triển khai vàng lưới vây cá ngừ  | 01        | Cơ sở chọn công thức tính chiều dài vàng lưới vây kết hợp ánh sáng | 01        |
| 3          |                                  | Bảng vẽ lắp ráp vàng lưới vây cá ngừ     | 01        | Chọn hệ số rút gọn các phần lưới.                                  | 01        |
| 4          |                                  | Bảng vẽ kỹ thuật: phao, chì, vòng khuyên | 01        | Tính chọn hệ thống dây giềng.                                      | 01        |
|            |                                  |  |           | Tính toán trang bị phao chì  | 01        |
| <b>III</b> | <b>LƯỚI CHỤP</b>                 |  | <b>03</b> |  | <b>04</b> |
| 1          |                                  | Bảng vẽ tổng thể lưới chụp               | 01        | Thuyết minh chung  | 01        |
| 2          |                                  | Bảng vẽ triển khai lưới chụp mực         | 01        | Tính chọn chu vi miệng lưới chụp.                                  | 01        |

|           |                        |                                    |           |   |           |
|-----------|------------------------|------------------------------------|-----------|---|-----------|
| 3         |                        | Bảng vẽ lắp ráp                    | 01        | Tính chọn vật liệu qui cách chỉ lưới            | 01        |
| 4         |                        |                                    |           | Tính toán trang bị vòng khuyên                  | 01        |
| <b>IV</b> | <b>LƯỚI RÊ HỖN HỢP</b> |                                    | <b>03</b> |   | <b>05</b> |
| 1         |                        | Bảng vẽ tổng thể lưới rê hỗn hợp   | 01        | Thuyết minh chung                               | 01        |
| 2         |                        | Bảng vẽ triển khai lưới rê hỗn hợp | 01        | Lựa chọn kích thước cơ bản của tấm lưới         | 01        |
| 3         |                        | Bảng vẽ lắp ráp                    | 01        | Tính toán lựa chọn dây giềng                    | 01        |
| 4         |                        |                                    |           | Lựa chọn kích thước mắt lưới cho từng phần lưới | 01        |
| 5         |                        |                                    |           | Tính toán trang bị phao chì                     | 01        |

Số: 08 /HĐ-KT&BVNLTS

**HỢP ĐỒNG**  
**Thực hiện Chương trình khuyến nông khuyến ngư năm 2015**

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-SNN ngày 09/3/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2015.

Căn cứ nhu cầu, khả năng của hai bên. Hôm nay, ngày 11/5/2015 tại Chi cục Khai thác và BVNLTS Cà Mau. Chúng tôi gồm có:

**BÊN A - Đại diện Chi cục Khai thác và BVNLTS tỉnh Cà Mau**

Ông: **Đỗ Chí Sĩ** Chức vụ: **Chi cục trưởng**

Địa chỉ: Số 20A - Nguyễn Tất Thành - Phường 8 - TP Cà Mau.

Điện thoại: 07803 836 638 Fax: 07803 582 707

Số tài khoản: 9527.2.1037195 Kho bạc tỉnh Cà Mau.

**BÊN B - Đại diện Viện Khoa học và Công nghệ khai thác thủy sản**

Ông: **Trần Đức phú** Chức vụ: **Viện trưởng**

Địa chỉ: Số 09 - Nguyễn Đình Chiểu - Vĩnh Phước - Nha Trang.

Điện thoại: 0583 832 067; Fax: 0583 832 067

Số tài khoản: 120 639 629 - Ngân hàng Á Châu tỉnh Khánh Hòa

MST: 4200 433 424 007

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng triển khai thực hiện Chương trình khuyến nông khuyến ngư năm 2015 với những điều khoản sau:

**Điều 1: Cam kết chung:**

Hai bên tiến hành liên kết tổ chức mở các lớp tập huấn giới thiệu cho các chủ tàu, thuyền trưởng trực tiếp tham gia khai thác trên biển một số ứng dụng công nghệ và nghề khai thác hải sản như sau:

- Nghề chụp cá: 03 lớp.
- Công nghệ hầm bảo quản và đèn Led kết hợp Pin mặt trời dùng cho tàu cá: 02 lớp.
- Xử lý bảo quản sản phẩm trên tàu cá và vệ sinh an toàn thực phẩm: 02 lớp

**Điều 2: Trách nhiệm của mỗi bên:**

**BÊN A: Chi cục Khai thác và BVNLTS Cà Mau chịu trách nhiệm:**

1. Tổ chức chiêu sinh, mở lớp tập huấn. Khi đủ số lượng là 40 học viên/lớp thì báo trước cho bên B ít nhất là 03 ngày để bên B cử giảng viên đi tập huấn.

2. Chuẩn bị hội trường, các điều kiện tập huấn; giúp Bên B tổ chức quản lý lớp tập huấn trong suốt quá trình tập huấn.

3. Thanh toán và chuyển cho bên B theo đúng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng.

**Bên B: Viện Khoa học và CNKTTS chịu trách nhiệm:**

1. Cử giảng viên tập huấn theo đúng chuyên môn. Cung cấp đầy đủ tài liệu, giáo trình cho bà con ngư dân.

2. Chịu chi phí về ăn, ở và đi lại từ Viện Khoa học và CNKTTS đến địa điểm tập huấn cho các giảng viên của Viện đến tập huấn theo Hợp đồng.

**Điều 3: Số lượng, thời gian và kinh phí tập huấn:**

- Số lượng lớp tập huấn: 07 lớp.
- Thời gian tập huấn: 07 ngày (01 ngày/01lớp).
- Tổng kinh phí Hợp đồng tập huấn: 280.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

**Điều 4. Điều khoản thi hành:**

1. Hợp đồng này có giá trị thực hiện kể từ ngày hai bên hoàn thành thủ tục ký kết.
2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần thiết điều chỉnh thì mỗi bên phải chủ động thông báo cho bên kia cùng phối hợp bàn bạc giải quyết.
3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



*Đỗ Chí Sĩ*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**VIỆN TRƯỞNG**



*Trần Đức Phú*